

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (*General information*):

- Tên học phần (*tiếng Việt*) : Nghiên cứu khoa học và thuyết trình
- Tên học phần (*tiếng Anh*) : Scientific research method and presentation
- Mã học phần : LA1007
- Trình độ : Đại học
- Loại học phần
 - ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
 - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cuối khoá
- Thuộc thành phần
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ : 2 (2, 0, 4)
(*Lý thuyết, thực hành, Tự học*)
- Phân bổ thời gian
 - Lên lớp (lý thuyết): 30 giờ
 - Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận: 0 giờ
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 giờ
- Học phần tiên quyết : Không
- Học phần học trước : Không
- Học phần song hành : Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (*Course description*):

(*Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần*)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để thực hiện những nghiên cứu khoa học và thực tiễn trong kinh tế và kinh doanh đúng phương pháp và có chất lượng. Bằng các công cụ và kỹ thuật phân tích, người nghiên cứu sẽ phát hiện ra những vấn đề và đưa ra giải pháp cho các vấn đề trong hoạt động kinh doanh của tổ chức.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (*Course objectives*):

(*Xác định các mục tiêu chung của học phần, gồm các mục tiêu về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm*)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Hiểu được chức năng và vai trò của phương pháp nghiên cứu và nghiên cứu trong kinh doanh trong việc đánh giá tác động của các biến kinh tế.
O2	Phân biệt được các loại hình và phương pháp nghiên cứu thường dùng trong kinh doanh. Và xây dựng đề cương nghiên cứu.
Kỹ năng	
O3	Thiết kế và thực hiện được những nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Và luận văn tốt nghiệp.
O4	Sinh viên thực hiện được nghiên cứu thực tế và viết báo cáo nghiên cứu làm cơ sở xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh của tổ chức.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O5	Có thái độ tích cực, chủ động trong tìm hiểu kiến thức chuyên ngành có liên quan và tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)
(Cụ thể hóa mục tiêu cụ thể, gồm các chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng/thái độ và mức tự chủ, trách nhiệm)

Ox	CLOx	PLOx
Kiến thức		
O1, O2	CLO1: Biết được phương pháp nghiên cứu trong việc đánh giá tác động của các biến kinh tế. CLO2: Biết phân tích và lựa chọn phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu phù hợp.	PLO3
Kỹ năng		
O3, O4	CLO3: Thiết kế được nghiên cứu trong hoạt động kinh doanh một cách khoa học. CLO4: Thực hiện được nghiên cứu thực tế hoạt động kinh tế và kinh doanh và luận văn.	PL04
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O5	CLO5: Có thái độ tích cực, chủ động trong tìm hiểu kiến thức chuyên ngành có liên quan và tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học.	PLO11

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

(có thể theo bài giảng hoặc theo chương nhưng bài giảng tốt hơn)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG G
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	

		Số giờ				
Bài 1 Số 11	Nội dung về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Chương 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy 1.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học 1.2. Phân loại nghiên cứu 1.3. Phương pháp NCKH 1.4. Quy trình NCKH 1.5. Đề cương nghiên cứu Thảo luận và trình bày	3		3		TỔNG G 6
Bài 2	Chương 2: Tổng quan nghiên cứu 2.1. Xác định vấn đề nghiên cứu 2.2. Xác định tên đề tài nghiên cứu 2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu 2.4. Mục tiêu nghiên cứu 2.5. Đối tượng nghiên cứu 2.6. Câu hỏi nghiên cứu 2.7. Phạm vi nghiên cứu 2.8. Phương pháp nghiên cứu Thảo luận tình huống	6		12		18
Bài 3	Chương 3: Tổng quan cơ sở lý thuyết 3.1. Khung khái niệm 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Khái niệm nghiên cứu 3.2. Khung lý thuyết 3.2. 1. Lý thuyết nghiên cứu 3.2.2. Các nghiên cứu thực tế 3.3. Khung phân tích 3.3.1. Các biến 3.3.2. Giả thuyết 3.3.3. Mô hình nghiên cứu Thảo luận tình huống	8		15		23
Bài 4	Chương 4: Phương pháp nghiên cứu 4.1. Theo mục tiêu nghiên cứu 4.1.1. Nghiên cứu mô tả 4.1.2. Nghiên cứu giải thích 4.2. Theo logic suy luận 4.2.1. Phương pháp nghiên cứu định tính	6		15		21

		Số giờ				
Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)					TỔNG G
	4.2.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng 4.3. Xây dựng bảng câu hỏi khảo sát 4.4. Xác định mẫu 4.4.1. Xác định đối tượng khảo sát 4.4.2. Xác định kích thước mẫu Thảo luận tình huống					
Bài 5	Chương 5: Phương pháp thu thập thông tin 5.1. Dữ liệu thứ cấp 5.2. Dữ liệu sơ cấp 5. 2.1. Phương pháp quan sát 5. 2.2. Phương pháp phỏng vấn 5. 2.3. Phương pháp hội nghị - Thảo luận 5.3. Phương pháp điều tra bằng bảng câu hỏi Thảo luận tình huống	4		15		19
Bài 6	Chương 6: Phân tích dữ liệu và viết báo cáo 6.1. Phân tích dữ liệu 6.1.1. Dạng thống kê: Tần suất, %, trung bình, Mode, Median 6.1.2. Phương sai, độ lệch chuẩn 6.2. Dạng phân tích tác động 6. 2.1. Tương quan 6.2.2. Phân tích phụ thuộc 6.2.3. Phân tích khác biệt 6.3. Viết báo cáo công trình nghiên cứu 6.3.1. Nội dung của báo cáo 6.3.2. Trình bày báo cáo 6.3.3. Cấu trúc luận văn Thảo luận tình huống	3		10		13
TỔNG		30		70		100

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG G
		...	...	...	...	

Số TT	Nội dung	Số giờ				TỔNG
Bài 1	(Tên bài giảng)					G
Bài 2						
Bài 3						
TỔNG						

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (*Teaching – Learning methods*):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: Trình chiếu slide bài giảng, Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, học theo tình huống, hướng dẫn giải bài tập.

- Thực hành:

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết:

- Dự lớp: theo qui định chung của trường,

- Sinh viên đọc trước slide bài giảng của học phần và những tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước mỗi buổi học

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn trên lớp, và các bài kiểm tra tại lớp: các điểm này sẽ được đánh giá vào cột điểm quá trình của sinh viên.

- Thực hành:

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO (*Learning materials*)

7.1. Tài liệu dạy học: chỉ có 1 tài liệu – bắt buộc bằng tiếng Việt

[1] Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Lao Động Xã Hội.

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo: từ 3-5 tài liệu, một số học phần có thể có 7 tài liệu, (cả tiếng Việt và tiếng Anh)

[1] Saunders M., Lewis P. & Thornhill A. (2010), *Phương pháp nghiên trong kinh doanh* (Nguyễn Văn Dung: dịch), NXB. Tài chính.

[2] Kumar R. (2011), *Research Methodology: A Step-by-Step Guide for Beginners*, 3th Edition, Sage, London.

[3] Cooper D. & Schindler P. (2009), *Business Research Method*, 10th Edition, McGraw-Hill.

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

- 1) Máy chiếu, Laptop,
- 2) Phần mềm Microsoft Office,
- 3) Bông lau, bút viết bảng.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)	Từ 5,0 trở lên	P	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubic 1	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic 1	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubic 2	30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		...		
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm / Tự luận	Rubic 3	60%

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

9. MA TRẬN (Matrix):

❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
CLO1	P	S	H	S	P	P	S	P	P	P	S	S	S	S	S
CLO2	P	S	H	S	P	P	S	P	P	P	S	S	S	S	S
CLO3	P	S	S	H	P	P	S	P	P	P	S	S	S	S	S

CLO4	P	S	S	H	P	P	S	P	P	P	S	S	S	S	S
CLO5	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	H	S	S	S	S

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Đề trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần**

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Thuyết trình	P	P	S	H	H	S			
Thảo luận nhóm	H	H	H	H	H	H			
Hỏi – trả lời	P	P	S	H	H	S			
Báo cáo chuyên đề									
Bài tập									
....									

❖ **Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần**

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Lý thuyết	P	P	S	H	H	S			
Điểm chuyên cần	H	H	H	H	H	H			
Điểm kiểm tra MCQ	P	P	S	H	H	S			
Điểm thi kết thúc MCQ									
Thực hành									
Kế hoạch thực hành, bệnh án ...									
Thi kết thúc									

❖ **Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần**

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học**

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (Scoring guide/Rubric):

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Kiểm tra trên lớp	MỨC A (8.5-10)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC F (0-3.9)
Hỏi bài cũ, bài mới và làm bài tập tại lớp (kiểm tra khả năng tự học của sinh viên)	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 4 - 5 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 3 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 2 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 1 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 0 lần
Điểm danh đi học đầy đủ	Đi học đầy đủ 100% các buổi điểm danh	Đi học <85% các buổi điểm danh	Đi học 75 % các buổi điểm danh	Đi học <50% các buổi điểm danh	Đi học < 25%

Rubic 2: Đánh giá quá trình

Bài kiểm tra 30 phút	Giỏi (8-10đ)	Khá(6-7đ)	TB(5đ)	Yếu(3-4đ)	Kém(0-3đ)
Bài kiểm tra số 1 về về hiểu về kiến thức	Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%	Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%	Hiểu và thực hiện đúng 50 đến < 75%	Hiểu và thực hiện đúng 30 đến < 50%	Hiểu và thực hiện đúng dưới < 30%
Bài kiểm tra số 2 về vận dụng kiến thức	Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%	Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%	Hiểu và thực hiện đúng 50 đến < 75%	Hiểu và thực hiện đúng 30 đến < 50%	Hiểu và thực hiện đúng dưới < 30%

Rubic 3: Đánh giá kết thúc học phần

Bài kiểm tra 90 phút	Giỏi (8-10đ)	Khá(6-7đ)	TB(5đ)	Yếu(3-4đ)	Kém(0-3đ)
Bài kiểm tra cuối kỳ về toàn bộ nội dung đã học	Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%	Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%	Hiểu và thực hiện đúng 50 đến < 75%	Hiểu và thực hiện đúng 30 đến < 50%	Hiểu và thực hiện đúng dưới < 30%

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (Student support)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ longnd@hiu.vn hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ 4 hàng tuần tại Văn phòng khoa KT-QT.

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022